

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:143/2023/DS-PT

Ngày: 19/12 /2023

“V/v Tranh chấp chia di sản
thừa kế ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Trung

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Hùng

Ông Phạm Văn Long

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Nhả, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 104/2023/TLPT-DS ngày 25 tháng 10 năm 2023 về “*Tranh chấp chia di sản thừa kế*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 05/2023/DS-ST, ngày 07 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 138/2023/QĐPT ngày 25 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Bé B, sinh năm 1949.

Địa chỉ: ấp L, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị Bé B: Bà Nguyễn Thị Hồng P, sinh năm 1995. Địa chỉ: ấp Đ, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 24/02/2023), (có mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị Bé B: Luật sư Trầm Phú L – Công ty L8, thuộc Đoàn luật sư Thành phố H (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn L1, sinh năm 1961 (có mặt).

Địa chỉ: ấp R, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị B1, sinh 1949 (có mặt).

Địa chỉ: ấp L, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

2. Bà Nguyễn Thị T, sinh 1951.

Địa chỉ: ấp L, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị T: Ông Huỳnh Văn L2, sinh năm 1981. Địa chỉ: ấp L, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh, là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 21/12/2020) (có mặt).

3. Ông Nguyễn Văn V, sinh 1959.

Địa chỉ: ấp R, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Văn V: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1984. Địa chỉ: ấp R, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh, là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 07/01/2021) (có mặt).

4. Bà Nguyễn Thị Bé N, sinh năm 1956 (có mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

5. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1963 (có mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

6. Bà Nguyễn Thị B2, sinh 1971 (có mặt).

Địa chỉ: khóm A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

7. Bà Lương Thị O, sinh 1970 (vắng mặt).

8. Anh Nguyễn Khánh T1, sinh năm 2000 (có đơn xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp R, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

9. Bà Phạm Thị K, sinh năm 1959 (vắng mặt).

10. Anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1988 (vắng mặt).

11. Anh Nguyễn Văn L3, sinh năm 1990 (vắng mặt).

12. Anh Nguyễn Tấn L4, sinh năm 1986 (có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp R, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

13. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số D đường M, khóm C, phường F, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

14. Chị Phan Thị H1, sinh năm 1992 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp R, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

15. Anh Huỳnh Văn L5, sinh năm 1970 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp L, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

16. Chị Huỳnh Thị L6, sinh năm 1979 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

17. Anh Huỳnh Văn L2, sinh năm 198 (có mặt).

Địa chỉ: ấp L, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

18. Chị Huỳnh Thị Mỹ L7, sinh năm 1984 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Bình Dương.

-Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Bé B là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bé B và lời trình bày của bà trong quá trình giải quyết vụ án: Cha mẹ bà là ông Nguyễn Văn G (chết ngày 08 tháng 9 năm 2011) và bà Bùi Thị C (chết ngày 04 tháng 02 năm 2015), ông G, bà C có 09 người con gồm: Nguyễn Thị B1, Nguyễn Thị Bé B, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Bé N, Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn L1, Nguyễn Thị M, Nguyễn Văn C1 (mất năm 2000 có vợ là Lương Thị O và con Nguyễn Khánh T1) và bà Nguyễn Thị B2.

Khi cha mẹ bà ông Nguyễn Văn G và bà Bùi Thị C chết có để lại di chúc cho

bà và ông **Nguyễn Văn L1** như sau:

1. Tờ di chúc lập ngày 20/01/2011: Diện tích 9.924,3m², thuộc thửa số 7, tờ bản đồ số 01, đất tọa lạc tại **ấp R, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh** và tài sản gắn liền với đất: Ông **Nguyễn Văn L1** được hưởng phần quyền sử dụng đất thửa số 7, tờ bản đồ số 01, diện tích là 1.400m² phần còn lại để cho bà **Nguyễn Thị Bé B** theo trụ đã đã cắm làm ranh giới.

2. Tờ di chúc ngày 21/4/2011: để cho bà **B1** Ba được hưởng: Thửa đất số 37, tờ bản đồ số 01, diện tích 350m², loại đất nghĩa địa, đất tọa lạc tại **xã L**; Đất ruộng diện tích 730.8m², thuộc thửa số 81, tờ bản đồ số 02 và diện tích 994.3m², thuộc thửa số 83, tờ bản đồ số 42 tọa lạc tại **ấp R, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh**.

Nay bà **Nguyễn Thị Bé B** khởi kiện yêu cầu ông **Nguyễn Văn L1** chia thừa kế quyền sử dụng đất theo di chúc là cho bà được hưởng phần diện tích đất 8.524,3m² (nằm trong tổng diện tích 9.924,3m²), thuộc thửa số 7, tờ bản đồ số 01, loại đất ở-quả, đất tọa lạc tại **ấp R, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh** và tài sản trên đất là 01 căn nhà tình nghĩa diện tích 42m² (ngang 6m x dài 7m, kết cấu vách tường, cột xi măng, mái lợp tole, nền lót gạch tàu) và toàn bộ cây trái trên đất.

Đối với phần đất diện tích 350m², thửa số 37, tờ bản đồ số 01, loại đất nghĩa địa, tọa lạc tại **ấp R, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh** (có trong nội dung di chúc) là đất thân tộc dùng vào việc chôn cất tổ tiên ông bà trong thân tộc không ai được quyền sở hữu riêng và bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với yêu cầu của ông **Nguyễn Văn L1**, ông **Nguyễn Văn V**, bà **Nguyễn Thị T**, bà **Nguyễn Thị Bé N**, bà **Nguyễn Thị M** và bà **Nguyễn Thị B2** xin hủy hai tờ di chúc để chia thừa kế bà không đồng ý.

Đối với yêu cầu của ông **Nguyễn Tấn L4** yêu cầu được nhận phần đất có diện tích 500m² và căn nhà của ông **G**, bà **C** chết để lại và yêu cầu được nhận lại số tiền 26.500.000 đồng bà **Nguyễn Thị B1** Ba không thống nhất.

- Bị đơn ông **Nguyễn Văn L1** trình bày trong quá trình giải quyết vụ án: Cha mẹ ông ông **Nguyễn Văn G** (chết 2011) và bà **Bùi Thị C** (chết 2015) có 09 người con gồm: **Nguyễn Thị B1**, **Nguyễn Thị Bé B**, **Nguyễn Thị T**, **Nguyễn Thị Bé N**, **Nguyễn Văn V**, **Nguyễn Văn L1**, **Nguyễn Thị M**, **Nguyễn Văn C1** (chết năm 2000, vợ là **Lương Thị O** và con **Nguyễn Khánh T1**) và **Nguyễn Thị B2**. Sau khi cha mẹ chết có để lại các tài sản gồm:

Diện tích 9.924,3m², trong đó có một phần diện tích là 2.224,4m² nằm trong diện tích 3.000m² ông **G** và bà **C** đã cho ông năm 1994 ông đã xây dựng nhà kiên cố và sử dụng đến nay. Ngày 10/9/2010 thì ông **G**, bà **C** có đơn xác nhận cho ông phần đất trên một phần thửa số 7, tờ bản đồ số 01 tọa lạc tại **ấp R, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh**.

Diện tích 730.8m², thuộc thửa số 81, tờ bản đồ số 02 và diện tích 994.3m², thuộc thửa số 83, tờ bản đồ số 42 tọa lạc tại **ấp R, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh**.

Di chúc cha mẹ ông để lại tài sản cho ông và bà **Nguyễn Thị Bé B** là không hợp pháp, ông **Nguyễn Văn L1** yêu cầu:

- Hủy tờ di chúc của ông Nguyễn Văn G và bà Bùi Thị C lập ngày 20/01/2011 đối với thửa đất số 07, tờ số 01, diện tích 9.924,3m², đất tọa lạc tại ấp R, xã L, thành phố T và công nhận diện tích đất 2.224,3m², một phần trong thửa số 07, tờ số 01, diện tích 9.924,3m², đất tọa lạc tại ấp R, xã L, thành phố T cho ông theo đơn xin xác nhận tài sản cho con ngày 10/9/2010.

- Hủy tờ di chúc ngày 21/4/2011 của ông Nguyễn Văn G và bà Bùi Thị C đối với thửa đất số 83, tờ 42 diện tích 994,6m² và thửa đất số 81, tờ 42, diện tích 730,8m², đất cùng tọa lạc tại ấp R xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T đã cấp cho bà Nguyễn Thị Bé B đối với hai thửa đất trên. Chia thừa kế theo quy định của pháp luật đối với thửa đất số 83, tờ bản đồ số 42, diện tích 994,6m², thửa đất số 81, tờ bản đồ số 42, diện tích 730,8m² cùng tài sản trên đất cho ông một phần theo quy định của pháp luật, yêu cầu nhận giá trị.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B1 trình bày trong quá trình giải quyết vụ án: Bà thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Thị Bé B. Phần đất vườn diện tích đất 9.924,3m², thửa đất số 7, tờ bản đồ số 01, đất tọa lạc tại ấp R, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh trước đó cha mẹ bà đã cho em bà là ông Nguyễn Văn L1 3.000m², ông Nguyễn Văn L1 đang sử dụng. Sau đó cha mẹ bà có làm tờ di chúc cho phần đất vườn diện tích đất 9.924,3m², thửa số 7, tờ bản đồ số 01, đất tọa lạc tại ấp R, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh cho bà Nguyễn Thị Bé B và em bà là ông Nguyễn Văn L1. Đối với phần đất ruộng thửa đất số 83, tờ bản đồ số 42 diện tích 994,6m² và thửa đất số 81, tờ bản đồ số 42, diện tích 730,8m², đất cùng tọa lạc tại ấp R, xã L, thành phố T cha mẹ bà đã có di chúc cho em bà Nguyễn Thị Bé B và hai thửa đất trên do bà B đang đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bà Nguyễn Thị B1 yêu cầu giao toàn bộ tài sản cho bà B1 Ba xong bà B1 Ba có trách nhiệm bán và chia đều cho tất cả anh em cho bà được hưởng.

Theo đơn khởi kiện yêu cầu độc lập ngày 14/9/2022 bà Nguyễn Thị Bé N yêu cầu, người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị M và bà Nguyễn Thị B2 trình bày: cụ Nguyễn Văn G và cụ Bùi Thị C có 09 người con gồm: Nguyễn Thị B1, Nguyễn Thị Bé B, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Bé N, Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn L1, Nguyễn Thị M, Nguyễn Văn C1 (chết có vợ là Lương Thị O và con Nguyễn Khánh T1) và Nguyễn Thị B2. Sau khi hai cụ chết có để lại các tài sản gồm: diện tích 9.924,3m², trong đó có 3.000m² đã cho Nguyễn Văn L1 theo đơn xác nhận ngày 10/9/2010, thuộc thửa số 7, tờ bản đồ số 01 tọa lạc tại ấp R, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. Phần đất ruộng diện tích 730.8m², thuộc thửa số 81, tờ bản đồ số 02 và diện tích 994.3m², thuộc thửa số 83, tờ bản đồ số 42 tọa lạc tại ấp R, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Do di chúc cha mẹ bà để lại tài sản cho bà Nguyễn Thị Bé B và ông Nguyễn Văn L1 là không hợp pháp nên các ông bà yêu cầu:

- Hủy tờ di chúc của ông Nguyễn Văn G và bà Bùi Thị C lập ngày 20/01/2011, tờ di chúc ngày 21/4/2011, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên

và Môi trường tỉnh T đã cấp cho bà Nguyễn Thị Bé B thửa đất số 83, tờ bản đồ số 42, diện tích 994,6m² và thửa đất số 81, tờ bản đồ số 42, diện tích 730,8m². Chia thừa kế theo pháp luật cho các con cụ G và cụ C2 được hưởng một phần theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tấn L4 trình bày trong quá trình giải quyết vụ án: Ông là con của ông Nguyễn Văn L1, cháu nội của ông Nguyễn Văn G và bà Bùi Thị C, ông ở với ông G, bà C từ nhỏ đến nay. Khi ông G bà C chết thì ông là người quản lý nhà và trông coi hương khói cho hai cụ. Trong thời gian ở ông có trồng được 07 cây dừa; dựng thêm nhà sau bằng khung gỗ tạp, mái lá, vách lá, nền láng xi măng, diện tích 35m² để làm nơi nấu ăn; bơm cát nền với số tiền 18.000.000 đồng, thuê sán cạp đắp bờ bao xung quanh vườn số tiền 1.500.000 đồng và thuê người đắp mô trồng dừa thửa đất số 81 và 83, tờ bản đồ số 42 với số tiền 7.000.000 đồng.

Nay ông L4 yêu cầu được nhận phần đất gắn liền căn nhà có diện tích 500m², một phần thửa đất số 07, tờ số 01, diện tích 9.924,3m², đất tọa lạc tại ấp R, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh và căn nhà của ông G, bà C để lại và yêu cầu được nhận lại số tiền 26.500.000 đồng (trong đó bơm cát nền 18.000.000 đồng, thuê sán cạp đắp bờ bao 1.500.000 đồng và 7.000.000 đồng thuê người đắp mô trồng dừa thửa đất số 81 và 83) ngoài ra ông không còn yêu cầu gì khác.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Khánh T1 trình bày trong quá trình giải quyết vụ án: Ông là cháu nội của ông Nguyễn Văn G và bà Bùi Thị C, cha ông tên Nguyễn Văn C1 (chết năm 2000), mẹ ông tên Lương Thị O đang ở ấp R, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. Ngoài ông ra thì ông C1, bà O không còn người con nào khác. Khi còn sống ông bà nội ông đã chia đất cho cha mẹ ông rồi, trong vụ án tranh chấp chia thừa kế giữa bà Nguyễn Thị Bé B với ông Nguyễn Văn L1, ông không tranh chấp và từ chối nhận di sản của ông bà nội ông là ông Nguyễn Văn G và bà Bùi Thị C chết để lại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T trình bày: Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất thửa đất số 83 và thửa đất số 81 cùng tờ bản đồ số 42, đất tọa lạc tại ấp R, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh như sau:

Ngày 13/4/2017, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân thành phố T có tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất của bà Nguyễn Thị Bé B, đối với thửa đất số 83, tờ bản đồ số 42 (tài liệu 2004), diện tích 994.6m² và thửa số 81, tờ bản đồ số 42 (tài liệu 2004), diện tích 730.8m². Đất tọa lạc tại ấp R, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. Hồ sơ được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố T tiếp nhận và thực hiện thủ tục, và trình Sở Tài nguyên và Môi trường cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà Nguyễn Thị Bé B (thông qua Văn phòng đăng ký đất đai thẩm tra, in Giấy chứng nhận). Ngày 20/4/2017, bà Nguyễn Thị Bé B đã được Sở T cấp Giấy chứng nhận với mã số CG 889184, sổ vào sổ cs 08163 mang số thửa 81, tờ bản đồ 42, diện tích 730.8m², loại đất: LUC và Giấy chứng nhận với mã số CG 889185,

số vào sổ cs 08164 mang số thửa 83, tờ bản đồ 42, diện tích 994.6m², loại đất: LUC; Đất tọa lạc tại **ấp R, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh**. Việc **Sở T** cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho bà **Nguyễn Thị Bé B** các thửa đất nêu trên là đúng quy định của pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 05/2022/DS-ST ngày 07/3/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh đã xử:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 74, 146, 147, 157, 165, 166, 227, 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 631, 632, 634, 635, 638, 639, 642, 645, 649, 650, 652, 653, 656, 658, 670, 674, 675, 676 và Điều 677 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ vào Điều 167, Điều 188, Điều 195 của Luật đất đai 2013;

Căn cứ Điều 12, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Nguyễn Thị Bé B** về việc yêu cầu chia thừa kế theo di chúc đối với thửa số 7, tờ bản đồ số 01, loại đất ở-quả, đất tọa lạc tại **ấp R, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh**.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông **Nguyễn Văn L1**, yêu cầu độc lập của bà **Nguyễn Thị T**, bà **Nguyễn Thị Bé N**, **Nguyễn Văn V**, bà **Nguyễn Thị M**, bà **Nguyễn Thị B2** và ông **Nguyễn Tấn L4** về việc yêu cầu hủy di chúc ngày 20/01/2011. Hủy di chúc của cụ **Nguyễn Văn G** và cụ **Bùi Thị C** được **Văn phòng C** công chứng ngày 20/01/2011 .

3. Chấp nhận một yêu cầu phản tố của ông **Nguyễn Văn L1**. Giao ông **Nguyễn Văn L1** được sử dụng phần đất có diện tích 1.917,6m², một phần thửa đất số 7, tờ bản đồ số 01, loại đất ở-quả, đất tọa lạc tại **ấp R, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh** (ký hiệu A=1.917,6m²) có tứ cận như sau:

Hướng Bắc giáp thửa số 7 (ký hiệu B) có số đo 25,12m;

Hướng Nam giáp đất thu hồi công trình đê bao và cống dưới đê ven **sông C** có số đo 31,41m;

Hướng Đông giáp thửa 7 (ký hiệu D) có số đo 63,54m;

Hướng Tây giáp kênh khu C Láng Thê có số đo 22,48m và 50,58m.

(Kèm theo sơ đồ khu đất số 1, theo công văn số: 1488/CNTPTV, ngày 02/11/2021 của **Văn phòng D Chi nhánh thành phố T**).

Và hộ ông **Nguyễn Văn L1** được quyền sở hữu tài sản trên đất gồm: Nhà chính khung BTCT, tường gạch, mái tole xi măng, nền gạch men, không trần, diện tích 148,73m²; Phòng sau khung BTCT, tường gạch, mái tole xi măng, nền gạch men, không trần, diện tích 18,48m²; Nhà bếp khung BTCT, tường gạch, mái tole xi măng, nền lát xi măng, không trần, diện tích 70m²; Nhà vệ sinh 1 khung BTCT, tường gạch, mái tole, nền gạch men, không trần, có hầm, diện tích 4,14m²; Nhà vệ sinh 2 khung BTCT, tường gạch, mái tole, nền lát xi măng, không trần, không hầm, diện tích 3m²; Chuồng heo xây gạch ống dày 100, tô 2 mặt, diện tích 15m²; Mái che có kết cấu đỡ bằng thép, lợp tole, diện tích 10,75m²; Nền lát xi măng, diện tích 10,75m²; Cây trái trên đất gồm 28 cây dừa (từ 7 đến 25 năm); 07 cây dừa (từ 03 đến

07 năm); 09 cây dừa (từ 02 đến 03 năm); 20 bụi chuối; 01 cây me (từ 04 đến 07 năm); 01 cây mít (từ 2 đến 10 năm).

4. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Tấn L4 về việc yêu cầu được nhận diện tích đất 500m² một phần thửa đất số 7, tờ bản đồ số 01, loại đất ở-quả, đất tọa lạc tại ấp R, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh và căn nhà của cụ G, cụ C chết để lại để thờ cúng ông bà.

5. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Bé N, Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị B2 chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cụ Nguyễn Văn G và cụ Bùi Thị C để lại là diện tích đất 5.975,7m² phần còn lại của thửa đất số 7, tờ bản đồ số 01, loại đất ở-quả, đất tọa lạc tại ấp R, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh ký hiệu (B= 1.253,8m²; C= 546,2m²; D=4.175,7m²) và tài sản trên đất.

- Giao ông Nguyễn Văn L1 diện tích đất 5.975,7m², phần còn lại của thửa số 07, tờ số 01, đất tọa lạc tại ấp R, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh có tứ cận như sau:

Hướng Bắc giáp sông L có số đo 29,50m, 10,67m; 8,80m; 19,54m; 73,27m.

Hướng Nam giáp đất thu hồi công trình đê bao và cống dưới đê ven sông C có số đo 31,29m, 2,81m; giáp thửa số 7 (ký hiệu A) có số đo 25,12m; giáp chiếc thửa 8 có số đo 7,0m; 7,0m; 26,5m và 5,33m.

Hướng Đông giáp chiếc thửa 8 có số đo 22,11m, 29,30m.

Hướng Tây giáp kênh Khu C Láng Thè có số đo 39,51m, giáp thửa số 7 (ký hiệu A) có số đo 63,54m.

(Kèm theo sơ đồ khu đất số 1, theo công văn số: 1488/CNTPTV, ngày 02/11/2021 của Văn phòng Đ Chi nhánh thành phố T).

Và tài sản trên đất gồm: Nhà tình nghĩa chính khung BTCT, tường gạch, mái tole, nền gạch bông, không trần, diện tích 64m²; Nhà lá khung gỗ tạp, mái lá, vách lá, nền lán xi măng, diện tích 35m²; Nhà vệ sinh, tường xây gạch ống dày 100 không tô, không hầm, diện tích 3m²; cây trái trên đất gồm 03 cây dừa (từ 7 năm đến 25 năm), 01 cây dừa (từ 3 đến 7 năm), 02 cây chanh (từ 04 đến 10 năm), 79 cây dừa (từ 7 đến 25 năm), 21 cây dừa (từ 3 đến 7 năm), 01 cây me (từ 04 đến 07 năm), 02 cây mít (từ 2 đến 10 năm), 07 cây dừa dưới 01 năm cho ông Nguyễn Văn L1 được sở hữu và sử dụng.

- Buộc ông Nguyễn Văn L1 có nghĩa vụ:

+ Thanh toán cho ông Nguyễn Tấn L4 tổng số tiền là 254.207.139 đồng.

+ Thanh toán cho bà Nguyễn Thị B1, bà Nguyễn Thị Bé B, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Bé N, ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị M và bà Nguyễn Thị B2 giá trị phần di sản mà bà Nguyễn Thị B1, bà Nguyễn Thị Bé B, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Bé N, ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị M và bà Nguyễn Thị B2 được hưởng mỗi người là 1.405.578.507 đồng.

6. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn L1, yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Bé N, Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị B2 và ông Nguyễn Tấn L4 về việc yêu cầu hủy di chúc ngày 21/4/2011.

Hủy di chúc của cụ Nguyễn Văn G và cụ Bùi Thị C được Văn phòng C công chứng ngày 21/4/2011.

7. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn L1, yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Bé N, Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị B2 chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cụ Nguyễn Văn G và cụ Bùi Thị C để lại là thửa đất số 83, tờ 42, diện tích 994,6m²; thửa đất số 81, tờ 42, diện tích 730,8m², đất cùng tọa lạc tại ấp R xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh và tài sản trên đất.

- Giao ông Nguyễn Văn V diện tích đất 730,8m² (ký hiệu A), thửa số 81, tờ bản đồ số 42, đất tọa lạc tại ấp R, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh có tứ cận như sau:

Hướng Bắc giáp thửa số 82 có số đo 128,85m.

Hướng Nam giáp kênh (Khu C) có số đo 111.03m.

Hướng Đông giáp thửa 83 có số đo 5,86m.

Hướng Tây giáp thửa 39 có số đo 6,06m và tài sản trên đất gồm: 03 cây dừa (từ 03 đến 07 năm); 20 bụi chuối.

(Kèm theo sơ đồ khu đất số 2, theo công văn số: 1488/CNTPTV ngày 02/11/2021 của Văn phòng Đ Chi nhánh thành phố T).

Và giao diện tích đất 994,6m² (ký hiệu B), thửa số 83, tờ bản đồ số 42, đất tọa lạc tại ấp R, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh có tứ cận như sau:

Hướng Bắc giáp thửa số 67 có số đo 4,82m, giáp thửa 68 có số đo 16,74m và thửa 68 có số đo 36,51m.

Hướng Nam giáp kênh (Khu C) có số đo 31,15m.

Hướng Đông giáp kênh (Khu C) có số đo 34,04m.

Hướng Tây giáp thửa 82 có số đo 16m và thửa 81 có số đo 5,86m và tài sản trên đất gồm: 12 cây dừa (từ 7 đến 25 năm), 07 cây bạch đàn phi 4,5cm đến 6cm; 34 cây bạch đàn lớn (phi 60cm x 6m/cây x 34 cây) cho ông Nguyễn Văn V được sở hữu và sử dụng.

(Kèm theo sơ đồ khu đất số 2, theo công văn số: 1488/CNTPTV, ngày 02/11/2021 của Văn phòng Đ Chi nhánh thành phố T).

- Buộc ông Nguyễn Văn V có nghĩa vụ:

+ Thanh toán cho ông Nguyễn Tấn L4 7.000.000 đồng.

+ Thanh toán cho bà Nguyễn Thị B1, Nguyễn Thị Bé B, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Bé N, ông Nguyễn Văn L1, bà Nguyễn Thị M và bà Nguyễn Thị B2 giá trị phần di sản mà bà Nguyễn Thị B1, Nguyễn Thị Bé B, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Bé N, ông Nguyễn Văn L1, bà Nguyễn Thị M và bà Nguyễn Thị B2 được hưởng mỗi người là 87.788.750 đồng.

8. Ông Nguyễn Văn V được quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục chỉnh lý biên động đất đai đối với thửa số 81 và thửa đất số 83, cùng tờ bản đồ số 42, đất tọa lạc tại ấp R, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh theo quy định của Luật đất đai.

Ông Nguyễn Văn V và ông Nguyễn Văn L1 được quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên theo quyết định của bản án.

9. Ông Nguyễn Văn L1 khai đã yêu cầu được nhận phần diện tích đất 1.917,6m². Phần còn lại 5.975,7m² của thửa đất số 7, tờ bản đồ số 01, loại đất ở-quả, đất tọa lạc tại ấp R, xã L, Tp . ông từ chối nhận di sản.

10. Ông Nguyễn Khánh T1 là thừa kế thế vị của ông Nguyễn Văn C1 từ chối nhận di sản của Cụ G1, cụ C và không có yêu cầu gì trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

11. Đình chỉ yêu cầu của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh T đã cấp cho bà Nguyễn Thị Bé B đối với thửa đất số 83, tờ 42 diện tích 994,6m² và thửa đất số 81, tờ 42, diện tích 730,8m², đất cùng tọa lạc tại ấp R xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

12. Đối với thửa đất số 37, tờ bản đồ số 01, diện tích 350m², loại đất nghĩa địa, đất tọa lạc tại ấp R, xã L, thành phố T, thửa đất trên Ủy ban nhân dân đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Văn G ngày 07/03/1997 các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên tiền án phí lệ phí nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 17/3/2023 bà Nguyễn Thị B kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, công nhận di chúc chia cho bà được nhận 8.524,3 m² và tài sản gắn liền đất gồm cây trồng và căn nhà tình nghĩa thuộc thửa thửa đất số 7, tờ bản đồ số 01, loại đất ở-quả, đất tọa lạc tại ấp R, xã L, Tp .

Ngày 09/11/2023 bà Nguyễn Thị Bé B kháng cáo bổ sung: Yêu cầu chia thừa kế theo di chúc để chia cho bà được hưởng diện tích đất 6.493 m² thửa đất số 7 tờ bản đồ số 01 và tài sản trên đất. Yêu cầu cho bà được tiếp tục sử dụng thửa đất số 83, tờ 42, diện tích 994,6m²; thửa đất số 81, tờ 42, diện tích 730,8m², đất cùng tọa lạc tại ấp R xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh và tài sản trên đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị Bé B vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không rút đơn yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Ý kiến của ông Nguyễn Văn L1: ông không yêu cầu chia thừa kế thửa đất số 7 diện tích 9.924,3 m², ông yêu cầu công nhận cho ông diện tích còn lại bằng 1.917,6 m². Tòa án cấp sơ thẩm giao diện tích còn lại bằng 5.975,7 m² của thửa đất số 7 cho ông để ông thanh toán giá trị đất cho các thừa kế khác, ông L1 không có khả năng để thanh toán chỉ bán thửa đất này mới chia thừa kế được.

- Ý kiến bà Nguyễn Thị B1, bà Nguyễn Thị Bé N, người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị M và bà Nguyễn Thị B2 xin chia thừa kế bằng giá trị đất, không yêu cầu hưởng bằng hiện vật.

- Ý kiến của người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho nguyên đơn: Khi ông Nguyễn Văn G và bà Bùi Thị C chết có để lại di chúc cho bà Nguyễn Thị Bé B và ông Nguyễn Văn L1 tài sản gồm:

- Đất vườn tổng diện tích 9.924,3m² ông Nguyễn Văn L1 được diện tích là 1.400m² phần còn lại để cho bà Nguyễn Thị Bé B được hưởng. Đất ruộng diện tích 730,8m², thuộc thửa số 81, tờ bản đồ số 02 và diện tích 994,6m², thuộc thửa số 83, tờ bản đồ số 42 bà Nguyễn Thị Bé B được hưởng,

Di chúc ngày 20/01/2011 và di chúc ngày 21/04/2011 do cụ Nguyễn Văn G và cụ Bùi Thị C lập tại Văn phòng C đã thực hiện theo đúng quy định tại các Điều 631, 634, 635, 647, 649, 652, 653, 650, 657, 733 của Bộ luật dân sự 2005. Di chúc được lập thành văn bản có công chứng không trái quy định, khi lập di chúc ông G, bà C minh mẫn có giấy khác sức khỏe, ông bà đọc hiểu và điểm chỉ vào nội dung di chúc. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Bé B sửa bản án sơ thẩm chia cho bà B1 Ba được hưởng di sản thừa kế theo di chúc của cụ G và cụ C.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh về vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm, các đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: kháng cáo của bà Nguyễn Thị Bé B yêu cầu công nhận di chúc của cụ G và cụ C để lại di sản cho bà được hưởng. Qua xem xét di chúc và các chứng cứ lời khai của các đương sự, nhận thấy khi lập di chúc cụ G và cụ C là người không biết chữ, di chúc lập không hợp pháp nên cần chia di sản theo pháp luật của các đương sự. Ông Nguyễn Văn L1 không yêu cầu hưởng thừa kế thửa đất số 7 nhưng cấp sơ thẩm giao thửa đất số 7 cho ông là không đúng quy định của pháp luật. Các thừa kế khác yêu cầu hưởng giá trị. Riêng bà B1 Ba xin hưởng hiện vật nên giao tài sản cho bà B1 Ba hưởng bà B1 Ba có nghĩa vụ thanh toán giá trị thừa kế cho các thừa kế khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp các bên đương sự và Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật Tòa án sơ thẩm xác định vụ án: Tranh chấp chia tài sản thừa kế là đúng mối quan hệ pháp luật các đương sự yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về hàng thừa kế thứ nhất của cụ Nguyễn Văn G (chết 2011) và cụ Bùi Thị C (chết 2015) có 09 người gồm: Nguyễn Thị B1, Nguyễn Thị Bé B, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Bé N, Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn L1, Nguyễn Thị M, Nguyễn Văn C1 (chết năm 2000, người thừa kế thế vị là Nguyễn Khánh T1) và Nguyễn Thị B2.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Bé B yêu cầu chia thừa kế theo di chúc diện tích 8.524.3 m² thửa đất số 7, tờ bản đồ số 01, loại đất ở-quả, thửa đất số 83, tờ 42, diện tích 994,6m²; thửa đất số 81, tờ 42, diện tích 730,8m², loại đất LUA đất cùng tọa lạc tại ấp R xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh và tài sản trên đất.

[3] Xét Tờ di chúc lập ngày 20/01/2011, ngày 21/4/2011 của cụ Nguyễn Văn G và cụ Bùi Thị C được Văn phòng C công chứng.

Theo lời khai của bà Nguyễn Thị Bé B (bút lục số 56), bà Nguyễn Thị B1, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Bé N, ông Nguyễn Văn V, ông Nguyễn Văn L1, bà Nguyễn Thị M và bà Nguyễn Thị B2 cùng khai cụ Nguyễn Văn G chỉ viết được tên và họ tên của cụ, cụ không viết và không đọc được văn bản nhưng sau này thì cụ G không viết và không đọc được chữ do tuổi đã cao, còn cụ Bùi Thị C thì không biết chữ nên chỉ lặn tay.

Tại các biên bản xác minh đối với những người hàng xóm láng giềng của cụ G, cụ C cũng như những người từng làm công tác tại ấp R, xã L, thành phố T nơi ông G, bà C sinh sống đều xác nhận cụ G chỉ biết viết tên G và họ tên Nguyễn Văn G, đến sau này thì cụ G chỉ lặn tay, cụ Nguyễn Văn G và cụ Bùi Thị C không biết chữ và không đọc được văn bản (bút lục 512 – 517).

Tại giấy khám sức khỏe số 19512, ngày 30/8/2010 của cụ Bùi Thị C thể hiện mắt trái không kính ĐNT 1m, mắt phải không kính ĐNT 1m, các bệnh về mắt lão thị và tại giấy khám sức khỏe số 6282, ngày 08/4/2011 của cụ Bùi Thị C thể hiện mắt trái không kính 1/10, mắt phải không kính 1/10, các bệnh về mắt hai mắt lão thị. Tại giấy khám sức khỏe số 19581, ngày 30/8/2010 của cụ Nguyễn Văn G thể hiện mắt trái không kính 1/10, mắt phải không kính 1/10, các bệnh về mắt lão thị và tại giấy khám sức khỏe số 6281, ngày 08/4/2011 của cụ Nguyễn Văn G thể hiện mắt trái không kính 2/10, mắt phải không kính 1/10, các bệnh về mắt hai mắt lão thị.

Từ những căn cứ trên xác định năm 2011 khi lập di chúc ngày 20/01/2011 thì cụ Nguyễn Văn G và cụ Bùi Thị C không viết và không đọc được bản di chúc.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 658 của Bộ luật dân sự năm 2005 “Trong trường hợp người lập di chúc không đọc được hoặc không nghe được bản di chúc, không ký hoặc không điểm chỉ được thì phải nhờ người làm chứng và người này phải ký xác nhận trước mặt Công chứng viên hoặc người có thẩm quyền chứng thực của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn. Công chứng viên hoặc người có thẩm quyền chứng thực của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn chứng nhận bản di chúc trước mặt người lập di chúc và người làm chứng” và theo quy định tại Điều 9 của Luật Công chứng năm 2006 quy định người làm chứng, tại khoản 1 quy định “Trong trường hợp pháp luật quy định việc công chứng phải có người làm chứng hoặc trong trường hợp pháp luật không quy định việc công chứng phải có người làm chứng nhưng người yêu cầu công chứng không đọc được hoặc không nghe được hoặc không ký và không điểm chỉ được thì phải có người làm chứng”.

Bản di chúc ngày 20/01/2011 và di chúc 21/4/2011 do bà Nguyễn Thị Bé B cung cấp cho Tòa án không có người làm chứng nội dung di chúc là vi phạm Điều 649, khoản 3 Điều 650, khoản 1 Điều 652 và khoản 2 Điều 658 của Bộ luật dân sự năm 2005 nên di chúc không hợp pháp.

[4] Mặt khác nội dung tờ di chúc ngày 20/01/2011 thể hiện “....1/ ông Nguyễn Văn L1 được hưởng phần quyền sử dụng đất thửa số: 7, tờ bản đồ số: 1 với diện tích là 1.400 m². Phần còn lại để cho bà Nguyễn Thị Bé B, theo trụ đá chúng

tôi tự cắm làm ranh giới...”, Thửa đất số 7 diện tích 9.924,3 m² vào năm 1994 cụ **G** đã cho ông **Nguyễn Văn L1** diện tích 3000 m² (thực đo 1.917,6 m²) ông **L1** đã cất nhà ở trên này. Nhưng di chúc lại chia cho ông **L1** 1.400 m² không xác định được vị trí nào trên thực địa.

Từ các chứng cứ nêu trên xét thấy di chúc ngày 20/01/2011 ngày 21/4/2011 của cụ **G** và cụ **C** không hợp pháp nên yêu cầu kháng cáo của bà **Bé B** không có cơ sở để chấp nhận.

[5] Về di sản thừa kế: các đương sự thống nhất với nhau cụ **G** và cụ **C** chung sống với nhau tạo lập thửa đất số 7 diện tích 9924,3 m² loại đất ở - cây lâu năm và thửa đất số 83 diện tích 994,6 m², thửa 81 diện tích 730,8 m² lại đất lúa. Bà **Nguyễn Thị Bé N**, người đại diện hợp pháp của bà **Nguyễn Thị T**, **Nguyễn Văn V**, bà **Nguyễn Thị M** và **Nguyễn Thị B2** thừa nhận khi còn sống cụ **G** và cụ **C** có cho ông **Nguyễn Văn L1** diện tích 3.000 m² thửa đất số 7 để cất nhà ở riêng. Sau khi mở rộng kênh khu C Láng Thè hiện nay ông **L1** đang sử dụng diện tích 1.917,6 m² nên thửa đất số 7 diện tích còn lại bằng 5.975,7 m².

Như vậy, di sản của cụ **G** và cụ **C** chết để lại gồm thửa đất số 7 diện tích 5.975,7 m² cùng tài sản trên đất và đất số 83 diện tích 994,6 m², thửa 81 diện tích 730,8 m² loại đất lúa. Sau khi hai cụ mất anh **Nguyễn Tấn L4** là con ông **L1** quản lý số di sản này và có cải tạo cất thêm nhà trồng cây lâu năm. Tòa án cấp sơ thẩm tính hỗ trợ công sức giữ gìn tài sản cho anh **L4** bằng 15% của một suất thừa kế là có xem xét. Bà **Bé B** cho rằng bà có công chăm sóc cha mẹ, anh **L4** không có công sức gì nên không đồng ý cho anh **L4** được hưởng phần công sức giữ gìn di sản là không có cơ sở. Bởi lẽ các đương sự thừa nhận anh **L4** ở với cụ **G** và cụ **C** có cất thêm nhà ở trên đất bồi đắp trồng cây trên các thửa đất đang tranh chấp. Do đó Hội đồng xét xử thống nhất giữ nguyên phần công sức giữ gìn của anh **L4** khi phân chia di sản; phần công sức của anh **L4** bằng 215.453.639đ. Sau khi cụ **G** và cụ **C** mất ông **L1** là người quản lý sử dụng thửa đất số 7, trên đất có dừa cho thu hoạch hàng tháng ông **L1** hái bán đã hưởng lợi về tài sản, tại phiên tòa phúc thẩm ông cũng không có yêu cầu chia cho ông công sức giữ gìn tài sản nên Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét.

[6] Chia di sản thừa kế.

Ông **Nguyễn Văn L1** không yêu cầu chia thừa kế thửa đất số 7 diện tích 5.975,7 m². Bà **Nguyễn Thị B3**, **Nguyễn Thị Bé N**, người đại diện hợp pháp của bà **Nguyễn Thị T**, ông **Nguyễn Văn V**, bà **Nguyễn Thị M** và **Nguyễn Thị B2** xin chia thừa kế bằng giá trị đất. Bà **Nguyễn Thị Bé B** xin chia bằng hiện vật nên giao cho bà **Nguyễn Thị Bé B** được hưởng diện tích đất 5.975,7 m² và tài sản trên đất. Bà **Bé B** có nghĩa vụ thanh toán lại cho bà **Nguyễn Thị B1**, bà **Nguyễn Thị T**, bà **Nguyễn Thị Bé N**, **Nguyễn Văn V**, bà **Nguyễn Thị M**, bà **Nguyễn Thị B2** mỗi người bằng 1.405.578.507 đồng.

Bà **Bé B** có nghĩa vụ trả lại giá trị nhà của anh **L4** xây dựng bằng 11.343.500 đồng, bơm cát nền, thuê sán cạp đắp bờ bao là 19.500.000 đồng và công sức giữ gìn tài sản. Tổng cộng bằng 246.297139 đồng.

[7] Đối với Thửa đất số 81 có diện tích 730,8 m², thửa đất số 83 có diện tích 994,6 m², loại đất lúa đất tọa lạc tại **ấp R, xã L, thành phố T** và tài sản gắn liền với

đất, hiện tại do ông Nguyễn Văn V đang quản lý sử dụng từ khi cụ G và cụ C còn sống nên giao cho ông V được tiếp tục sử dụng ông V có nghĩa vụ thanh toán lại giá trị cho các thừa kế khác như án sơ thẩm đã phân chia.

[8] Ý kiến của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Hội đồng xét xử có cân nhắc xem xét nhưng không có cơ sở để chấp nhận.

Ý kiến của kiểm sát viên là phù hợp với các chứng cứ tình tiết của vụ án nên được chấp nhận.

Về án phí phúc thẩm bà Nguyễn Thị B1 Ba không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 609, Điều 611, Điều 612, Điều 620 Điều 649, Điều 650 Điều 651, Điều 660 Bộ luật Dân sự,

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

-Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Bé B.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bé B.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn L1, yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Bé N, Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị B2.

3. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Nguyễn Văn G và cụ Bùi Thị C có 09 người gồm: Nguyễn Thị B1, Nguyễn Thị Bé B, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Bé N, Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn L1, Nguyễn Thị M, Nguyễn Văn C1 (chết năm 2000, thừa kế thế vị là Nguyễn Khánh T1) và Nguyễn Thị B2.

4. Công nhận cho ông Nguyễn Văn L1 được quyền tiếp tục sử dụng diện tích 1.917,6m², thuộc một phần thửa đất số 7, tờ bản đồ số 01, loại đất CLN, đất tọa lạc tại ấp R, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (ký hiệu A trên sơ đồ khu đất) có tứ cận như sau:

Hướng Bắc giáp thửa số 7 (ký hiệu B) có số đo 25,12m;

Hướng Nam giáp đất thu hồi công trình đê bao và công dưới đê ven sông C có số đo 31,41m;

Hướng Đông giáp thửa 7 (ký hiệu D) có số đo 63,54m;

Hướng tây giáp kênh khu C Láng Thè có số đo 22,48m và 50,58m.

(Kèm theo sơ đồ khu đất số 1, theo công văn số: 1488/CNTPTV, ngày 02/11/2021 của Văn phòng Đ - Chi nhánh thành phố T).

5. Chia cho bà Nguyễn Thị Bé B được hưởng diện tích đất 5.975,7m², phần còn lại của thửa số 07, tờ số 01, loại đất ở +CLN, tọa lạc tại ấp R, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh và tài sản gắn liền với đất có tứ cận như sau:

Hướng Bắc giáp sông L có số đo 29,50m, 10,67m; 8,80m; 19,54m; 73,27m.

Hướng Nam giáp đất thu hồi công trình đê bao và cống dưới đê ven sông C có số đo 31,29m, 2,81m; giáp thửa số 7 (ký hiệu A) có số đo 25,12m; giáp chiết thửa 8 có số đo 7,0m; 7,0m; 26,5m và 5,33m.

Hướng Đông giáp chiết thửa số 8 có số đo 22,11m, 29,30m.

Hướng Tây giáp kênh khu C Láng Thè có số đo 39,51m, giáp thửa số 7 (ký hiệu A) có số đo 63,54m.

(Kèm theo sơ đồ khu đất số 1, theo công văn số: 1488/CNTPTV, ngày 02/11/2021 của Văn phòng Đ - Chi nhánh thành phố T).

Bà Nguyễn Thị Bé B có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị B1, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Bé N, Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị B2 mỗi người bằng 1.405.578.507 đồng. Thanh toán cho anh Nguyễn Tấn L4 246.297.139 đồng.

Nhà đất và cây trồng do anh Nguyễn Tấn L4, ông Nguyễn Văn L1 quản lý nên anh L4, ông L1 có trách nhiệm giao trả lại cho bà Nguyễn Thị Bé B.

6. Chia cho bà Nguyễn Thị Bé B được hưởng diện tích đất 730,8m² (ký hiệu A), thửa số 81, tờ bản đồ số 42, loại đất LUA, diện tích đất 994,6m² (ký hiệu B), thửa số 83, tờ bản đồ số 42, loại đất LUA, tọa lạc tại ấp R, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

(Kèm theo sơ đồ khu đất số 2, theo công văn số: 1488/CNTPTV, ngày 02/11/2021 của Văn phòng Đ - Chi nhánh thành phố T).

- Buộc bà Nguyễn Thị Bé B có nghĩa vụ:

+ Thanh toán cho ông Nguyễn Tấn L4 tiền cải tạo đất trồng cây bằng 7.000.000 đồng.

+ Thanh toán giá trị thừa kế cho bà Nguyễn Thị B1, Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Bé N, ông Nguyễn Văn L1, bà Nguyễn Thị M và bà Nguyễn Thị B2 mỗi người là 87.788.750 đồng (T3 mươi bảy triệu bảy trăm tám mươi tám ngàn bảy trăm năm mươi đồng).

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không kháng cáo, không bị kháng nghị, không bị sửa tiếp tục có hiệu lực thi hành.

Các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 06; Điều 07 và Điều 09 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện Cầu Kè
- Chi cục THADS huyện Cầu Kè;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: TDS, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thành Trung